

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NÚI THÀNH  
TỈNH QUẢNG NAM**

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08/02/2021.

Về việc “Ly hôn và tranh chấp con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

-----\*\*\*-----

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Văn Biểu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Dương Minh Ngọc

Bà Phan Thị Thanh Dung

*Thư ký Tòa án:* Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 243/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 V/v: “Ly hôn và tranh chấp con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Lệ Th, sinh năm: 1975 (Có mặt);

- Bị đơn: Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm: 1973 (Vắng mặt);

Cùng trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th trình bày: Bà Th và ông Nguyễn C Quốc đăng ký kết hôn từ năm 2002 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; trong quá trình chung sống vợ chồng bà cũng hay xảy ra mâu thuẫn; vợ chồng không đồng quan điểm, vợ chồng bà thường xuyên gây gổ, không có tiếng nói chung. Vợ chồng bà đã tự ly thân từ năm 2013 cho đến nay. Xét thấy tình cảm hiện nay không còn nên bà yêu cầu Tòa án xem xét cho bà được ly hôn ông C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng bà Th và ông C có 03 con chung là Nguyễn Diễm L, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015. Đối với con chung Nguyễn Diễm L, sinh năm 2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Giao các con chung Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 cho bà Th được nuôi dưỡng, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung;

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Quốc C trình bày: Ông C và bà Trần Thị Lệ Th đăng ký kết hôn từ năm 2002 là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật; vợ chồng ông đăng ký kết hôn tại UBND xã h, huyện h, tỉnh Thừa Thiên Huế; tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn vì ông vẫn còn thương vợ, con; ông C yêu cầu Tòa án xem xét cho đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng ông C và bà Th có 03 con chung là Nguyễn Diễm L, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung

Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn; giao các con chung Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 cho nguyên đơn nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu cầu nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Trần Thị Lệ Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Quốc C hiện trú tại: Thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vì vậy việc

khởi kiện của bà Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Quốc C đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Quốc C theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

## [2] Xét về nội dung

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Th và ông C qua tìm hiểu nhau, tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2002 theo số 038/2002, ngày 07/6/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế, nên hôn nhân của bà Th và ông C là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Th: bà Th và ông C trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nhưng không có giải pháp khắc phục để hoà giải, hàn gắn tình cảm mà đã sống ly thân từ đầu năm 2013 cho đến nay; xét thấy thời gian ly thân đã lâu thì tự ai người đó sống, không ai quan tâm, lo lắng cho ai. Trong quá trình giải quyết, ông C yêu cầu được đoàn tụ nhưng vẫn không có biện pháp khắc phục. Bà Th thì xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông C vì thời gian ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ nên cương quyết xin ly hôn; Hội đồng xét xử xét thấy: hôn nhân giữa bà Th và ông C đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Th.

- Về con chung: Vợ chồng Th và ông C có 03 con chung là Nguyễn Diễm L, sinh năm 2001; Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015.

Đối với con chung Nguyễn Diễm L, sinh năm 2001 đã đủ tuổi trưởng thành và tự lập về kinh tế, bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với các con chung Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015; bà Th yêu cầu được nuôi dưỡng cho bà Th được nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét việc nuôi con phải phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng nuôi dưỡng. Hiện nay cháu My, cháu Vy đang ở với bà Th, bà Th có công việc và Th nhập ổn định; ngoài ra cháu My đã trên 7 tuổi và yêu cầu được giao cho bà Th nuôi dưỡng. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và căn cứ theo quy định của pháp luật nên xét giao các con chung Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 cho bà Trần Thị Lệ Th nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do bà Th không yêu cầu nên hội đồng xét

xử không đề cập giải quyết.

[3] Về tài sản, nợ chung và cho mượn nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về quy định về mức Th, miễn, giảm, Th, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lệ Th về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” đối với bị đơn ông Nguyễn Quốc C.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Lệ Th được ly hôn với ông Nguyễn Quốc C.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao các con chung Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 01/02/2008 và Nguyễn Tường V, sinh ngày 14/4/2015 cho bà Trần Thị Lệ Th nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi trưởng thành. Ông Nguyễn Quốc C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, một trong hai người có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Đương sự không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

- Về Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng bà Trần Thị Lệ Th phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0004931 ngày 02/10/2020 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện;
- UBND xã T;
- Chi cục THADS huyện;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**TRƯỜNG VĂN BIỂU**